

UBND HUYỆN BỐ TRẠCH
HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN,
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT HUYỆN

Số: 1269 /HĐPB

V/v tuyên truyền, phổ biến giáo dục
pháp luật trên hệ thống truyền thanh
cấp xã tháng 8/2020.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bố Trạch, ngày 03 tháng 8 năm 2020

Kính gửi:

- Phòng Văn hóa - Thông tin huyện;
- Đài Truyền thanh huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Hiện nay, công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trên hệ thống truyền thanh cấp xã ngày càng đạt hiệu quả cao; để công tác tuyên truyền ngày càng phong phú, có hiệu quả; kể từ tháng 3 năm 2020, Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tăng số lượng tài liệu phát qua hệ thống loa truyền thanh cơ sở lên mỗi tháng 04 kỳ. Nội dung các chuyên đề và các file ghi âm được đăng tải trên trang điện tử huyện Bố Trạch <https://botrach.quangbinh.gov.vn>

Để tài liệu được tuyên truyền đến người dân, Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật huyện yêu cầu Phòng Văn hóa - Thông tin, Đài Truyền thanh huyện, UBND các xã, thị trấn chỉ đạo, hướng dẫn các thôn, bản, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tổ chức phổ biến, tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở tháng 8/2020 có nội dung sau:

- **MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA LUẬT PHÒNG, CHỐNG BỆNH TRUYỀN NHIỄM;**
- **MỘT SỐ CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHỤ NỮ;**
- **MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI;**
- **MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA LUẬT DÂN QUÂN TỰ VỆ.**

Đối với UBND các xã, thị trấn căn cứ vào tình hình thực tiễn của địa phương để lựa chọn thời điểm, hình thức tuyên truyền thích hợp phát sóng nội dung trên để người dân đều được nghe, đảm bảo tính hiệu quả. Tần suất thực hiện phát thanh 03 lần/tuần (vào ngày thứ ba, thứ năm và Chủ nhật).

Đối với Đài Truyền thanh huyện, yêu cầu phát thanh với tần suất 01 lần/tuần.

Nhận được Công văn này yêu cầu các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Phòng Tư pháp (Cơ quan Thường trực Hội đồng Phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật huyện) để được hướng dẫn. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Ban Dân vận Huyện ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Thành viên HĐPHPBGDPL huyện;
- Lưu: HĐ, TP.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH



(Handwritten signature in blue ink)

PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Nguyễn Hữu Hồng



**TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN TRÊN HỆ THỐNG
LOA TRUYỀN THANH CƠ SỞ**

KỠ 1

**MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA LUẬT PHÒNG, CHỐNG BỆNH
TRUYỀN NHIỄM**

I. NGUYÊN TẮC PHÒNG, CHỐNG BỆNH TRUYỀN NHIỄM

Theo Điều 4 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm quy định các nguyên tắc phòng, chống bệnh truyền nhiễm bao gồm:

1. Lấy phòng bệnh là chính trong đó thông tin, giáo dục, truyền thông, giám sát bệnh truyền nhiễm là biện pháp chủ yếu. Kết hợp các biện pháp chuyên môn kỹ thuật y tế với các biện pháp xã hội, hành chính trong phòng, chống bệnh truyền nhiễm.
2. Thực hiện việc phối hợp liên ngành và huy động xã hội trong phòng, chống bệnh truyền nhiễm; lồng ghép các hoạt động phòng, chống bệnh truyền nhiễm vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.
3. Công khai, chính xác, kịp thời thông tin về dịch.
4. Chủ động, tích cực, kịp thời, triệt để trong hoạt động phòng, chống dịch.

II. NHỮNG HÀNH VI BỊ NGHIÊM CẤM

Điều 8. Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm thì những hành vi sau bị nghiêm cấm:

1. Cố ý làm lây lan tác nhân gây bệnh truyền nhiễm.
2. Người mắc bệnh truyền nhiễm, người bị nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm và người mang mầm bệnh truyền nhiễm làm các công việc dễ lây truyền tác nhân gây bệnh truyền nhiễm theo quy định của pháp luật.
3. Che giấu, không khai báo hoặc khai báo không kịp thời các trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm theo quy định của pháp luật.
4. Cố ý khai báo, thông tin sai sự thật về bệnh truyền nhiễm.
5. Phân biệt đối xử và đưa hình ảnh, thông tin tiêu cực về người mắc bệnh truyền nhiễm.
6. Không triển khai hoặc triển khai không kịp thời các biện pháp phòng, chống bệnh truyền nhiễm theo quy định của Luật này.
7. Không chấp hành các biện pháp phòng, chống bệnh truyền nhiễm theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

**III. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG PHÒNG
LÂY BỆNH TRUYỀN NHIỄM**

- Theo Điều 32 của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm thì cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong phòng lây nhiễm bệnh truyền nhiễm có trách nhiệm sau:

1. Thực hiện các biện pháp cách ly phù hợp theo từng nhóm bệnh; chăm sóc toàn diện người mắc bệnh truyền nhiễm. Trường hợp người bệnh không thực hiện yêu cầu cách ly của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thì bị áp dụng biện pháp cưỡng chế cách ly theo quy định của Chính phủ.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp diệt khuẩn, khử trùng môi trường và xử lý chất thải tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

3. Bảo đảm trang phục phòng hộ, điều kiện vệ sinh cá nhân cho thầy thuốc, nhân viên y tế, người bệnh và người nhà người bệnh.

4. Theo dõi sức khỏe của thầy thuốc, nhân viên y tế trực tiếp tham gia chăm sóc, điều trị người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.

5. Thông báo thông tin liên quan đến người mắc bệnh truyền nhiễm cho cơ quan y tế dự phòng cùng cấp.

6. Thực hiện các biện pháp chuyên môn khác theo quy định của pháp luật.

- Theo quy định tại Điều 33 của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm thì thầy thuốc và nhân viên y tế trong phòng lây nhiễm bệnh truyền nhiễm tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm sau:

1. Thực hiện các biện pháp phòng lây nhiễm bệnh truyền nhiễm quy định tại Điều 31 của Luật này.

2. Tư vấn về các biện pháp phòng, chống bệnh truyền nhiễm cho người bệnh và người nhà người bệnh.

3. Giữ bí mật thông tin liên quan đến người bệnh.

- Theo quy định tại Điều 34 của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm thì người bệnh, người nhà người bệnh trong phòng lây nhiễm bệnh truyền nhiễm tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có những trách nhiệm sau:

1. Người bệnh có trách nhiệm:

a) Khai báo trung thực diễn biến bệnh;

b) Tuân thủ chỉ định, hướng dẫn của thầy thuốc, nhân viên y tế và nội quy, quy chế của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

c) Đối với người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A ngay sau khi xuất viện phải đăng ký theo dõi sức khỏe với y tế xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

2. Người nhà người bệnh có trách nhiệm thực hiện chỉ định, hướng dẫn của thầy thuốc, nhân viên y tế và nội quy, quy chế của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

IV. KHAI BÁO, BÁO CÁO DỊCH

Theo quy định tại Điều 47 của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm quy định việc khai báo, báo cáo dịch như sau:

1. Khi có dịch, người mắc bệnh dịch hoặc người phát hiện trường hợp mắc bệnh dịch hoặc nghi ngờ mắc bệnh dịch phải khai báo cho cơ quan y tế gần nhất trong thời gian 24 giờ, kể từ khi phát hiện bệnh dịch.

2. Khi phát hiện trường hợp mắc bệnh dịch hoặc nhận được khai báo bệnh dịch, cơ quan y tế phải báo cáo cho Ủy ban nhân dân nơi xảy ra dịch và cơ sở y tế dự phòng để khẩn trương tổ chức triển khai các biện pháp chống dịch.

3. Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể chế độ khai báo, báo cáo dịch.

V. TỔ CHỨC CÁCH LY Y TẾ

Tại Điều 49 của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm thì việc tổ chức cách ly y tế được quy định như sau:

1. Người mắc bệnh dịch, người bị nghi ngờ mắc bệnh dịch, người mang mầm bệnh dịch, người tiếp xúc với tác nhân gây bệnh dịch thuộc nhóm A và một số bệnh thuộc nhóm B theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế phải được cách ly.

2. Hình thức cách ly bao gồm cách ly tại nhà, tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc tại các cơ sở, địa điểm khác.

3. Cơ sở y tế trong vùng có dịch chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cách ly theo chỉ đạo của Trưởng ban chỉ đạo chống dịch. Trường hợp các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này không thực hiện yêu cầu cách ly của cơ sở y tế thì bị áp dụng biện pháp cưỡng chế cách ly theo quy định của Chính phủ.

VI. CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ CÁ NHÂN, CHỐNG DỊCH KHÁC TRONG THỜI GIAN CÓ DỊCH VÀ VIỆC KIỂM SOÁT RA VÀO VÙNG CÓ DỊCH

- Tại Điều 51 của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm quy định các biện pháp bảo vệ cá nhân bao gồm:

1. Người tham gia chống dịch và người có nguy cơ mắc bệnh dịch phải thực hiện một hoặc một số biện pháp bảo vệ cá nhân sau đây:

- a) Trang bị bảo vệ cá nhân;
- b) Sử dụng thuốc phòng bệnh;
- c) Sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế để phòng bệnh;
- d) Sử dụng hoá chất diệt khuẩn, hoá chất phòng trung gian truyền bệnh.

2. Nhà nước bảo đảm cho người tham gia chống dịch thực hiện các biện pháp bảo vệ cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này.

- Tại Điều 52 của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm quy định các biện pháp chống dịch khác trong thời gian có dịch như sau:

1. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể áp dụng các biện pháp chống dịch sau đây:

a) Tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng có nguy cơ làm lây truyền bệnh dịch tại vùng có dịch;

b) Cấm kinh doanh, sử dụng loại thực phẩm được cơ quan y tế có thẩm quyền xác định là trung gian truyền bệnh dịch;

c) Hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ các hoạt động, dịch vụ tại nơi công cộng tại vùng có dịch.

2. Chính phủ quy định cụ thể việc áp dụng các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này.

- Theo quy định tại Điều 53 của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm quy định việc Kiểm soát ra, vào vùng có dịch đối với bệnh dịch thuộc nhóm A như sau:

1. Các biện pháp kiểm soát ra, vào vùng có dịch đối với bệnh dịch thuộc nhóm A bao gồm:

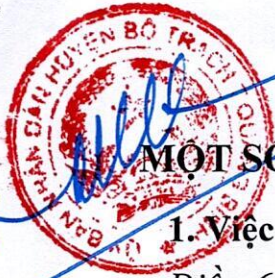
a) Hạn chế ra, vào vùng có dịch đối với người và phương tiện; trường hợp cần thiết phải kiểm tra, giám sát và xử lý y tế;

b) Cấm đưa ra khỏi vùng có dịch những vật phẩm, động vật, thực vật, thực phẩm và hàng hóa khác có khả năng lây truyền bệnh dịch;

c) Thực hiện các biện pháp bảo vệ cá nhân đối với người vào vùng có dịch quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật này;

d) Các biện pháp cần thiết khác theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng Ban chỉ đạo chống dịch thành lập các chốt, trạm kiểm dịch tại các đầu mối giao thông ra, vào vùng có dịch để thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này.



KỶ 2

MỘT SỐ CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHỤ NỮ

1. Việc cải thiện điều kiện lao động đối với lao động nữ

Điều 6 Nghị định số 85/2015/NĐ-CP ngày 01/10/2015 quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về chính sách đối với lao động nữ quy định việc cải thiện điều kiện đối với lao động nữ như sau:

1. Người sử dụng lao động bảo đảm có đủ buồng tắm, buồng vệ sinh phù hợp tại nơi làm việc theo quy định của Bộ Y tế.

2. Khuyến khích người sử dụng lao động phối hợp với tổ chức công đoàn lập kế hoạch, thực hiện các giải pháp để lao động nữ có việc làm thường xuyên, áp dụng chế độ làm việc theo thời gian biểu linh hoạt, làm việc không trọn thời gian, giao việc làm tại nhà phù hợp với nguyện vọng chính đáng của lao động nữ.

2. Quy định của pháp luật về vấn đề chăm sóc sức khỏe đối với lao động nữ

Điều 7 Nghị định số 85/2015/NĐ-CP ngày 01/10/2015 quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về chính sách đối với lao động nữ quy định về vấn đề chăm sóc sức khỏe đối với lao động nữ như sau:

1. Khi khám sức khỏe định kỳ, lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản theo danh mục khám chuyên khoa phụ sản do Bộ Y tế ban hành.

2. Lao động nữ trong thời gian hành kinh được nghỉ như sau:

a) Mỗi ngày 30 phút, tối thiểu là 03 ngày trong một tháng;

b) Thời gian nghỉ vẫn được hưởng đủ tiền lương theo hợp đồng lao động;

c) Thời gian nghỉ cụ thể do người lao động thỏa thuận với người sử dụng lao động phù hợp với điều kiện thực tế tại nơi làm việc và nhu cầu của lao động nữ.

3. Lao động nữ trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi được nghỉ như sau:

a) Mỗi ngày 60 phút trong thời gian làm việc để cho con bú, vắt, trữ sữa, nghỉ ngơi;

b) Thời gian nghỉ vẫn được hưởng đủ tiền lương theo hợp đồng lao động.

4. Người sử dụng lao động lắp đặt phòng vắt, trữ sữa mẹ phù hợp với điều kiện thực tế tại nơi làm việc, nhu cầu của lao động nữ và khả năng của người sử dụng lao động.

5. Khuyến khích người sử dụng lao động tạo điều kiện để lao động nữ nuôi con từ 12 tháng tuổi trở lên vắt, trữ sữa mẹ tại nơi làm việc. Thời gian nghỉ do người lao động thỏa thuận với người sử dụng lao động.

3. Việc giúp đỡ, hỗ trợ của người sử dụng lao động trong việc xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo

Điều 9 Nghị định số 85/2015/NĐ-CP ngày 01/10/2015 quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về chính sách đối với lao động nữ quy định việc giúp đỡ, hỗ trợ của người sử dụng lao động trong việc xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo như sau:

1. Căn cứ điều kiện cụ thể, người sử dụng lao động xây dựng phương án, kế hoạch giúp đỡ, hỗ trợ, xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo đối với lao động nữ có con trong độ tuổi gửi trẻ, mẫu giáo bằng tiền mặt hoặc hiện vật. Mức và thời gian hỗ trợ do người sử dụng lao động thỏa thuận với đại diện lao động nữ.

2. Khuyến khích người sử dụng lao động tổ chức, xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo.

4. Chính sách của Nhà nước đối với phụ nữ trong lĩnh vực chính trị

Theo Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27 tháng 04 năm 2007 thì Chính sách của Nhà nước đối với phụ nữ trong lĩnh vực chính trị bao gồm:

- Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng cán bộ nữ

+ Các cấp ủy đảng có trách nhiệm lãnh đạo xây dựng quy hoạch cán bộ nữ trong quy hoạch tổng thể về cán bộ của Đảng ở từng cấp, từng ngành, từng địa phương.... Thực hiện nguyên tắc bình đẳng giữa nam và nữ về độ tuổi trong quy hoạch, đào tạo, đề bạt và bổ nhiệm.

+ Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo cán bộ nữ theo từng lĩnh vực, gắn với quy hoạch. Cần bảo đảm tỷ lệ nữ tham gia các khóa đào tạo tại các trường lý luận chính trị, quản lý hành chính nhà nước từ 30% trở lên

- Chính sách phát triển đội ngũ cán bộ nữ

+ Xây dựng, sửa đổi, bổ sung và tổ chức thực hiện tốt các chính sách nhằm phát triển cán bộ nữ trong nghiên cứu khoa học, trong lãnh đạo, quản lý. Có chính sách cụ thể về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển đối với cán bộ nữ; đặc biệt quan tâm cán bộ nữ là trí thức, công nhân, người dân tộc thiểu số, tôn giáo.

+ Công tác tạo nguồn cán bộ nữ cần được đặt trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực của quốc gia. Ưu tiên tuyển dụng cán bộ nữ, lao động nữ có trình độ cao đẳng, đại học, trên đại học. Chăm lo bồi dưỡng, phát triển tài năng là nữ.

5. Những nội dung chủ yếu của Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 – 2025” đã được phê duyệt

Điều 1 Quyết định Số: 939/QĐ-TTg ngày 30 tháng 06 năm 2017: Phê duyệt Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025” (sau đây gọi tắt là Đề án) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu:

Nâng cao nhận thức của phụ nữ về chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về khởi nghiệp, thúc đẩy hiện thực hóa các ý tưởng kinh doanh, góp phần thực hiện mục tiêu quốc gia về phát triển doanh nghiệp và Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới. Phấn đấu đến năm 2025 đạt được các mục tiêu sau:

a) 90% cán bộ Hội chuyên trách các cấp tham gia triển khai Đề án được nâng cao nhận thức, phương pháp hỗ trợ phụ nữ về khởi nghiệp, phát triển kinh doanh.

b) 70% hội viên phụ nữ được tuyên truyền, nâng cao nhận thức về việc làm, khởi nghiệp.

c) Hỗ trợ 20.000 phụ nữ khởi sự kinh doanh và khởi nghiệp.

d) Phối hợp, hỗ trợ thành lập 1.200 tổ hợp tác/hợp tác xã do phụ nữ quản lý.

đ) 100.000 doanh nghiệp của phụ nữ mới thành lập được tư vấn, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.

2. Đối tượng:

Là phụ nữ, trong đó quan tâm hỗ trợ với phụ nữ có ý tưởng, có nhu cầu khởi nghiệp, các tổ hợp tác/hợp tác xã, doanh nghiệp mới thành lập do phụ nữ làm chủ. Ưu tiên phụ nữ thuộc hộ nghèo, khó khăn, phụ nữ là người dân tộc thiểu số, phụ nữ khuyết tật, phụ nữ sống tại địa bàn khó khăn, địa bàn chuyển đổi đất nông nghiệp.

3. Nhiệm vụ và giải pháp:

a) Tuyên truyền về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về khởi nghiệp, phát triển kinh doanh; vai trò, vị trí của phụ nữ đối với sự phát triển kinh tế.

- Xây dựng và duy trì chuyên mục về phụ nữ khởi nghiệp trên trang thông tin điện tử của Hội, trên Báo Phụ nữ Việt Nam.

- Xây dựng các mô hình thí điểm tuyên truyền tại cộng đồng ở 10 tỉnh đại diện cho vùng miền, tổng kết rút kinh nghiệm để triển khai trên diện rộng.

b) Hỗ trợ phụ nữ đổi mới sáng tạo phát triển kinh doanh và khởi nghiệp.

- Tổ chức Ngày Phụ nữ Khởi nghiệp tại các cấp Hội Phụ nữ.

- Lựa chọn các ý tưởng, mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh khả thi để hỗ trợ thực hiện, nhân rộng.

- Nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp nữ mới thành lập.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ Hội thông qua thiết lập cơ sở hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp của các cấp Hội.

c) Nghiên cứu, đề xuất chính sách, kiểm tra giám sát việc thực hiện chính sách luật pháp hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh doanh.

d) Tăng cường hợp tác quốc tế, huy động nguồn lực thực hiện Đề án.

4. Kinh phí thực hiện:

Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định, lồng ghép với các chương trình, đề án của Chính phủ, các bộ ngành, các địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).